

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2023
Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Phú, bà Hoàng Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 331/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số D C, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa có mặt anh A, vắng mặt chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn A trình bày: Anh với chị Vũ Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 19/11/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống riêng, không ở chung với gia đình bên nào. Tuy nhiên do tính cách, quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng không chia sẻ, không hỗ trợ được cho nhau trong sinh hoạt hàng ngày và các vấn đề khác của cuộc sống. Vợ chồng ở cùng nhà nhưng không nói chuyện được với nhau,

những vấn đề cần phải xử lý thì nhắn tin qua điện thoại cho nhau. Tình trạng này kéo dài nhiều năm nhưng không có biện pháp khắc phục khiến anh thấy ngột ngạt, mệt mỏi. Nhiều lần anh dọn ra ngoài ở riêng nhưng vì thương con nên anh lại quay về nhưng tình trạng chung sống của vợ chồng vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm hai bên ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 05 năm nay và hiện anh không còn tình cảm với chị H nên anh khởi kiện xin ly hôn chị H.

Anh với chị H có 01 con chung là Nguyễn Vũ Thùy D- sinh ngày 16/9/2016 hiện đang ở cùng chị H. Vì cháu D còn nhỏ, cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên anh để chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 3.000.000đ/tháng cho tới khi con chung thành niên.

Anh không đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn là chị Vũ Thị H trình bày thống nhất với anh Nguyễn Văn A về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn mà chỉ do áp lực về công việc, chăm sóc con cái nên hai bên chưa có nhiều thời gian để chia sẻ mọi việc với nhau. Vợ chồng chưa có sự thẳng thắn khi trao đổi quan điểm, suy nghĩ với nhau dẫn đến chưa hiểu hết về nhau. Việc anh A sống riêng có thể là một biện pháp để anh ấy giải tỏa áp lực, căng thẳng trong cuộc sống nên chị không có ý kiến gì. Năm 2020, anh A dọn ra ngoài ở nhưng thỉnh thoảng vẫn về thăm con, về chăm sóc khi con ốm và vợ chồng vẫn chia sẻ với nhau về kinh tế, về nuôi dưỡng con, về sinh hoạt gia đình. Từ khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì anh A không về thăm nom, chăm sóc con nữa và từ đó vợ chồng không liên hệ với nhau. Hiện chị vẫn còn tình cảm với anh A nên chị đề nghị Tòa án cho vợ chồng được đoàn tụ.

Chị với anh A có một con chung là Nguyễn Vũ Thùy D- sinh ngày 16/9/2016. Chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng con chung. Trường hợp phải ly hôn thì chị nhất trí tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và nhất trí anh A cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 3.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho tới khi con thành niên.

Chị không đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung.

Qua xác minh, bà Vũ Thị T (mẹ đẻ của anh A) phản ánh: Bà đến ở cùng vợ chồng anh A, chị H từ năm 2016 đến năm 2019 để hỗ trợ vợ chồng chăm sóc cháu D. Trong thời gian đó bà chứng kiến anh A, chị H không nói chuyện với nhau, không chia sẻ với nhau về công việc và các vấn đề khác của cuộc sống, có vấn đề cần trao đổi thì nhắn tin qua điện thoại cho nhau khiến không khí gia đình ngột ngạt. Bà nhiều lần góp ý nhưng vợ chồng vẫn không thay đổi được

tình trạng chung sống cùng nhau dẫn đến việc anh A dọn ra ngoài ở riêng và vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài.

Đại diện khu dân cư và đại diện chi hội phụ nữ khu dân cư số B, phường Q, thành phố H phản ánh anh A không thực tế sinh sống cùng chị H tại nhà số D C, phường Q từ nhiều năm nay nhưng vì các đương sự không trao đổi, không đề nghị hòa giải nên khu dân cư, đoàn thể địa phương không biết giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gì không và nguyên nhân mâu thuẫn là gì.

Tại phiên tòa: Anh A giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của U. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho anh A ly hôn chị H. Giao con chung Nguyễn Vũ Thùy D1- sinh ngày 16/9/2016 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 9/2023 cho tới khi con chung đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng theo tháng. Buộc anh A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là chị Vũ Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị H.

[2] *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn A và chị Vũ Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 19/11/2015. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy các bên đương sự trình bày nguyên nhân khác nhau nhưng đều thể hiện vợ chồng không chia sẻ được với nhau về suy nghĩ, quan điểm và cách xử lý các vấn đề phát sinh của cuộc sống; không trao đổi, nói chuyện bình thường được với nhau trong sinh hoạt hàng ngày. Thực tế anh A đã dọn ra ở riêng nhiều năm nay, việc anh A quay về thăm con, chăm con khi ốm đau là tình cảm, trách nhiệm của anh A đối với con cái. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trù trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác,*

học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Như vậy việc anh A, chị H không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng và không có sự quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau trong công việc, sinh hoạt hàng ngày là vi phạm tình nghĩa vợ chồng. Nay anh A kiên quyết xin ly hôn, chị H không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Nhận thấy hôn nhân giữa anh A và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử cần xử cho anh A được ly hôn chị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Anh A và chị H có một con chung là Nguyễn Vũ Thùy D1- sinh ngày 16/9/2016. Các đương sự thống nhất giao cháu D1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu D1 muốn được ở cùng chị H. Thực tế trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì chị H vẫn luôn là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1 và cháu vẫn phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần giao cháu D1 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*". Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, các đương sự thống nhất mức cấp dưỡng cho con là 3.000.000đ/tháng. Tại phiên tòa, anh A giữ nguyên quan điểm về mức cấp dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử buộc anh A thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung thành niên.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn A và chị Vũ Thị H.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Vũ Thùy D1- sinh ngày 16/9/2016 cho chị Vũ Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 3.000.000đ/tháng (*ba triệu đồng một tháng*) kể từ tháng 9/2023 cho tới khi con chung thành niên. Cấp dưỡng theo tháng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng là 600.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0002896 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Anh A phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND xã Văn Hội, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thúy